

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Thuận An
là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương**

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 001734
	Ngày 11-11-2016
	Chuyên:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 và Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020;

Nay, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp lần thứ 3 khóa IX xem xét thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Thuận An là đô thị loại III, với các nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết lập Đề án:

Thị xã Thuận An nằm ở vị trí cửa ngõ phía Nam của tỉnh Bình Dương giáp với Thành phố Hồ Chí Minh; hiện đang là đô thị loại IV, có 10 đơn vị hành chính bao gồm 9 phường và 1 xã (trong đó xã An Sơn đã được công nhận là Xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của UBND tỉnh Bình Dương) với tổng diện tích tự nhiên là 8.371,2 ha, chiếm 3,11% diện tích tự nhiên của Tỉnh.

Trong thời gian qua, thị xã Thuận An đã nỗ lực phấn đấu và đạt được một số kết quả với cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ; tốc độ đô thị hóa nhanh, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đầu tư nâng cấp đồng bộ theo hướng văn minh, hiện đại.

Việc công nhận thị xã Thuận An là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương là cần thiết và là tất yếu khách quan sẽ tạo động lực quan trọng để Thuận An phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư, từng bước góp phần đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương.

II. Đánh giá, đối chiếu thực trạng phát triển của thị xã Thuận An với các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại III

Căn cứ theo các tiêu chuẩn của các tiêu chí được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị. Xét về tổng quan, thị xã Thuận An đã có những bước phát triển và hội đủ các tiêu chí của đô thị loại III; cụ thể như sau:

1. Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (đạt 18,75 điểm/20,0 điểm)

a) Tiêu chuẩn về vị trí chức năng, vai trò của đô thị (đạt 3,75 điểm/5,0 điểm).

Thị xã Thuận An là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ cấp tỉnh, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đô thị tỉnh Bình Dương.

b) Tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (đạt 15,0 điểm/15,0 điểm).

- Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã năm 2015 đạt 5.415,8 tỷ đồng, trong đó thị xã được hưởng là 1.444,97 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách 3 năm 2013-2015 luôn đảm bảo cân đối, có kết dư. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 gấp 1,4 lần so với cả nước. Đánh giá đạt 3,0 điểm/3,0 điểm.

- Chuyển dịch cơ cấu đúng hướng với tỷ trọng tương ứng Công nghiệp, xây dựng 70,5%, Dịch vụ 29,2% và Nông nghiệp 0,3%. Đánh giá đạt 3,0 điểm/3,0 điểm.

- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất đạt 12,17%. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn thị xã năm 2015 đạt 0,63% (theo tiêu chí tỉnh Bình Dương). Trong đó, khu vực nội thị đạt 0,6%. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học) trung bình 3 năm đạt 3,02%. Đánh giá đạt 3,0 điểm/3,0 điểm.

2. Tiêu chí 2: Quy mô dân số (đạt 8,0 điểm/8,0 điểm)

- Dân số toàn đô thị: Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

Dân số tính đến 01/10/2015 thị xã Thuận An là 480.320 người, bao gồm khu vực nội thị 471.650 người và khu vực ngoại thị 8.670 người.

Dân số thị xã Thuận An (tính theo phân loại đô thị) năm 2015 là 378.064 người.

- Dân số nội thị: Đánh giá đạt 6,0 điểm/6,0 điểm.

Dân số khu vực nội thị thị xã Thuận An đến 01/10/2015 là 467.749 người. (Tính theo phân loại đô thị) năm 2015 là 369.592 người, bao gồm:

+ Dân số thường trú khu vực nội thị là: 143.479 người.

+ Dân số tạm trú trên 6 tháng được tính là dân thường trú khu vực nội thị là 30.161 người

+ Dân số tạm trú dưới 6 tháng đến 01/10/2015 là 298.010 người và được quy đổi về dân số đô thị là 195.952 người.

3. Tiêu chí 3: Mật độ dân số (đạt 5,64 điểm/6,0 điểm)

- Mật độ dân số toàn đô thị (tính trên diện tích đất tự nhiên) là 4.516 người/km². Đánh giá đạt 1,5 điểm/1,5 điểm.

- Mật độ dân số khu vực nội thị (đã bao gồm dân số quy đổi) là 369.592 người, diện tích đất xây dựng khu vực nội thị là 50,8km². Do vậy, mật độ dân số khu vực nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt 7.277 người/km². Đánh giá đạt 4,14 điểm/4,5 điểm.

4. Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (đạt 6,0 điểm/6,0 điểm)

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị:

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế tại thị xã Thuận An là: 385.675 người. Trong đó: số lao động phi nông nghiệp là 348.011 người đạt tỷ lệ 99,57%. Đánh giá đạt 1,5 điểm/1,5 điểm.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị:

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế tại khu vực nội thị là 380.039 người. Trong đó: số lao động phi nông nghiệp là 379.739 người đạt tỷ lệ 99,92 %. Đánh giá đạt 4,5 điểm/4,5 điểm.

5. Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị (đạt 50,7/60,0 điểm)

5.A - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thị: (đạt 38,7 điểm/48,0 điểm)

5.1. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội: (đạt 7,71 điểm/10,0 điểm)

a) Các tiêu chuẩn về nhà ở (đạt 1,0 điểm/2,0 điểm).

- Diện tích sàn nhà ở bình quân thị xã: Tổng diện tích nhà ở của khu vực nội thị là 7.361.317m², diện tích nhà bình quân đầu người đạt 19,9m²/người. Đánh giá đạt 0,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố đạt 99,5%. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

b) Các tiêu chuẩn về công trình công cộng (đạt 6,71 điểm/8,0 điểm).

- Đất dân dụng khu vực nội thị đạt 75,6m²/người. Đánh giá đạt 0,96 điểm/1,0 điểm.

- Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị đạt 1,46m²/người. Đánh giá 0,0 điểm/1,0 điểm.

- Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở khu vực nội thị đạt 1,66m²/người. Đánh giá đạt tối đa 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Cơ sở y tế cấp đô thị: Tổng số giường bệnh là 1.194 giường, dân số thị xã bao gồm dân số quy đổi là 369.592 người. Do đó, bình quân đạt 3,2 giường bệnh/1.000 dân. Đánh giá đạt tối đa 1,0 điểm/1,0 điểm

- Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: Tổng số cơ sở giáo dục đào tạo khu vực nội thị thị xã là 11 cơ sở (Trong đó: Đại học có 02 trường, Cao đẳng có 01 trường, Trung cấp chuyên nghiệp có 02 trường, Trường dạy nghề có 01 trường, Trường THPT có 03 trường, 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên và 01 Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã). Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Công trình văn hóa cấp đô thị: Thị xã có 06 công trình thiết chế văn hóa (bao gồm Trung tâm văn hóa thị xã; Nhà văn hóa thanh thiếu nhi thị xã; Thư

viện thị xã Thuận An; Rạp chiếu phim trong trung tâm thương mại Lotte, Rạp chiếu phim Aeon Mall Bình Dương; Nhà truyền thống ...). Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Công trình thể dục thể thao cấp đô thị: Tổng số các công trình thể dục thể thao trên địa bàn thị xã là 03 công trình cấp đô thị (bao gồm: Trung tâm thể dục thể thao thị xã, trung tâm thể dục thể thao Bình Hòa, trung tâm thể dục thể thao An Phú, trung tâm văn hóa – thể dục thể thao Bình Chuẩn. Ngoài ra, còn có các sân quần vợt, Nhà thi đấu bóng bàn Sân bóng đá mini, các câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ, thể hình)... Đánh giá đạt 0,75 điểm/1,0 điểm.

- Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị: Tổng số các công trình thương mại, dịch vụ đô thị là 15 công trình cấp đô thị (chợ, siêu thị, cửa hàng bách hoá) bao gồm: 03 chợ, 04 siêu thị, 08 trung tâm thương mại. Đánh giá đạt tối đa 1,0 điểm/1,0 điểm.

5.2. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật: (đạt 12,18 điểm/14,0 điểm)

a) Các tiêu chuẩn về giao thông (đạt 4,84 điểm/6,0 điểm).

- Đầu mối giao thông (cảng, đường thủy, bến xe). Đánh giá đạt tối đa 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng: Tỷ lệ đất giao thông khu vực thị xã so với đất xây dựng trong khu vực thị xã là 15,05% . Đánh giá đạt 0,84 điểm/1,0 điểm.

- Mật độ đường giao thông: Tổng chiều dài các tuyến đường chính trong khu vực thị xã tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5m$ là 318,3km (bao gồm các tuyến đường trục chính khu vực và trục chính đô thị). Tổng diện tích đất xây dựng khu vực nội thị là 50,8km². Do đó, mật độ đường chính trong khu vực thị xã đạt 6,27km/km². Đánh giá 0,0 điểm/1,0 điểm.

- Diện tích đất giao thông tính trên dân số: Diện tích đất giao thông/dân số thị xã đạt 20,68m²/người. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 10,9% (bao gồm các tuyến xe buýt liên tỉnh qua thị xã như: Thủ Dầu Một - Suối Tiên, Tân Vạn - Thủ Dầu Một, ..., bến xe khách liên tỉnh và dịch vụ các hãng xe taxi).... Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

b) Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng (đạt 2,78 điểm/3,0 điểm).

- Cấp điện sinh hoạt: Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt thị xã là 985 kwh/ng/năm. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ đường phố chính thị xã được chiếu sáng đạt 100%. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt 61,7%. Đánh giá đạt 0,78 điểm/1,0 điểm.

c) Các tiêu chuẩn về cấp nước (đạt 2,75 điểm/3,0 điểm).

- Nguồn nước cấp có 02 nguồn: Từ Xí nghiệp cấp nước Thuận An có công suất 35.000m³/ ngày đêm, Xí nghiệp cấp nước Dĩ An có công suất 180.000m³/ngày đêm. Tổng công suất 215.000m³/ngày đêm.

- Cấp nước sinh hoạt: Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt thị xã là 110 (lít/người/ngày đêm). Đánh giá đạt 0,75 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh: Hiện nay, thị xã Thuận An có khoảng 35.581 hộ gia đình được cấp nước. Với tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch là 75,1%. Tổng số hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh khu vực nội thị thị xã là 11.667 hộ là 24,9%. Do vậy, tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch và sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

d) Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông (đạt 1,81 điểm/2,0 điểm).

- Dịch vụ bưu chính viễn thông trên địa bàn thị xã ngày càng phát triển, mở rộng và hoàn chỉnh phục vụ tốt cho nhu cầu thông tin liên lạc của người dân.

- Số thuê bao internet: Số thuê bao internet bình quân/số dân đạt 21,3 thuê bao internet/100 dân. Đánh giá đạt 0,81 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên địa bàn Thuận An đạt 100%. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

5.3. Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường (đạt 9,97 điểm/14,0 điểm)

a) Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng (đạt 3,0 điểm/3,0 điểm).

- Mật độ đường cống thoát nước chính: Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu là các loại cống tròn, cống hộp và các mương bê tông xi măng với tổng chiều dài 251,7km, diện tích xây dựng thị xã là 50,8km². Do đó, mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị là 4,95km/km². Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

- Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng: Trên địa bàn thị xã Thuận An theo thống kê đến tháng 6/2016 toàn thị xã có 22 điểm ngập úng, Trong đó: 06 khu vực ngập đã khắc phục, xử lý triệt để 15 khu vực ngập đã xử lý tạm thời; 01 khu vực ngập chưa xử lý. Kết quả xử lý khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng: Xử lý được 21 khu vực/22 khu vực ngập (đạt 95,45%). Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

b) Các tiêu chuẩn về thu gom xử lý nước thải, chất thải (đạt 4,67 điểm/5,0 điểm).

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý tiêu hủy là 100%. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: Hiện nay trạm xử lý nước thải thị xã đã hoàn thành đưa vào sử dụng, thị xã đang tiến hành lắp đặt hệ thống đường ống thu gom trên các tuyến đường đưa về trạm xử lý, tỷ lệ nước thải đô thị sẽ đạt yêu cầu tối thiểu. Đánh giá đạt 0,75 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 94,5%. Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.



- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải 100% khối lượng rác thải sau khi thu gom về trạm trung chuyển rác đều được vận chuyển, đưa đi xử lý tại khu xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy đạt 96,62%. Đánh giá đạt 0,92 điểm/1,0 điểm.

c) Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ (đạt 0,79 điểm/2,0 điểm)

- Nhà tang lễ trên địa bàn thị xã Thuận An chưa có nhà tổ chức tang lễ trong thị xã. Đánh giá đạt 0,0 điểm/1,0 điểm.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Thị xã Thuận An hiện nay chưa có nhà hỏa táng, tuy nhiên hình thức hỏa táng đã được phổ biến đến người dân và sử dụng nhà hỏa táng đặt tại thị xã Bến Cát và thị xã Dĩ An. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 10,86%. Đánh giá đạt 0,79 điểm/1,0 điểm.

d) Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị (đạt 1,51 điểm/4,0 điểm)

- Tổng diện tích đất cây xanh đô thị bao gồm cây xanh tập trung, cây xanh công cộng và cây xanh sử dụng hạn chế gần với mặt nước,... là 262,0ha. Do đó, diện tích đất cây xanh đô thị thị xã Thuận An là $7,09\text{m}^2/\text{người}$. Đánh giá đạt 1,51/2,0 điểm.

- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị là $1.063.553\text{m}^2$, dân số khu vực nội thị (đã bao gồm dân số quy đổi) là 369.592 người. Do vậy, diện tích đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt $2,88\text{m}^2/\text{người}$. Đánh giá đạt 0,0 điểm/2,0 điểm.

5.4. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị (đạt 8,84 điểm/10,0 điểm)

a) Về quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Trên địa bàn thị xã đã xây dựng quy chế, đã triển khai thực hiện, tuy nhiên kết quả thực hiện đánh giá chưa đạt yêu cầu đề ra trong quy chế. Đánh giá đạt 1,5 điểm/2,0 điểm.

b) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị / tổng số trục phố chính đạt 41,7%. Đánh giá đạt 1,59 điểm/2,0 điểm.

c) Trên địa bàn thị xã Thuận An có 03 dự án khu dân cư được thực hiện cải tạo, chỉnh trang đô thị. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

d) Số lượng không gian công cộng của đô thị: Trên địa bàn thị xã Thuận An gồm 04 khu là các khu di tích chiến khu, không gian đi bộ, công viên, vườn hoa và khu vui chơi giải trí của người dân. Đánh giá đạt 1,75 điểm/2,0 điểm.

đ) Công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hoá lịch sử, di sản: Trên địa bàn thị xã Thuận An hiện có 01 công trình di tích được công nhận cấp Quốc gia và 03 công trình di tích được công nhận cấp tỉnh; các công trình di tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp địa phương công nhận cấp thị xã gồm các đình, miếu. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

5.B - Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thị: (đạt 12,0 điểm/12,0 điểm)

1. Nhóm các tiêu chuẩn hạ tầng xã hội: (đạt 4,0 điểm/4,0 điểm)

1.1. Trường học có cơ sở vật chất: Được công nhận đạt chuẩn quốc gia (Mẫu giáo Hoa Mai 3); đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Trường tiểu học An Sơn); Hiện đã bố trí quỹ đất với diện tích 8000m² để xây dựng trường Trung học cơ sở. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

1.2. Cơ sở vật chất văn hóa: Trên địa bàn thị xã có 01 xã An Sơn, toàn xã An Sơn đã có 5/5 ấp có hội trường sinh hoạt cho từng ấp; trung tâm văn hóa cấp xã với diện tích sử dụng đất là 3.000m², diện tích xây dựng là 1.111,50m² đạt so với diện tích quy định. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

1.3. Chợ nông thôn: Trên địa bàn thị xã có 01 xã An Sơn, đã có chợ đạt chuẩn của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới sửa đổi theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

1.4. Nhà ở dân cư: Trên địa bàn thị xã có 01 xã An Sơn, không có nhà tạm dột nát; tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng là 2.215/2.215 hộ chiếm tỷ lệ với 100%. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

2. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật: (đạt 4,0 điểm/4,0 điểm)

2.1. Giao thông:

- Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải (100%): Đường trục xã, liên xã đã được nhựa hóa 4.800m/7.200m, đạt 66,7%. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt 100%; Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%; Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận lợi đạt 100%. Đánh giá đạt 3,0 điểm/3,0 điểm.

2.2. Điện: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: Hộ sử dụng điện quốc gia đạt 100% và tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 99%. Đánh giá đạt 1,0 điểm/1,0 điểm.

3. Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường: (đạt 2,0 điểm/2,0 điểm)

* Môi trường: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia đạt 100%.

- Trên địa bàn xã không có các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường; không có các hoạt động gây suy giảm môi trường, hàng năm đều có các phong trào vệ sinh môi trường nông thôn.

- Theo quy hoạch chung của thị xã Thuận An xác định khu vực An Sơn không tiến hành quy hoạch nghĩa trang; nước thải, chất thải được thu gom xử lý theo quy định: có 92,66% hộ dân sử dụng hầm thấm để thu gom nước thải sinh hoạt. Đánh giá đạt 2,0 điểm/2,0 điểm.

4. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan: (đạt 2,0 điểm/2,0 điểm)

* Quỹ đất nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ: Quỹ đất nông nghiệp vườn cây ăn trái của xã An Sơn luôn được bảo vệ và giữ vững diện tích nâng cao chất lượng phục vụ du lịch sinh thái, dần khôi phục

thương hiệu trái cây Lái Thiêu. Đẩy mạnh phát triển mô hình nông nghiệp đô thị, tiếp tục phát triển các vùng rau chuyên canh, rau sạch đảm bảo an toàn chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

III. Kiến nghị:

1. Với kết quả đánh giá về tình hình phát triển đô thị của thị xã Thuận An theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, tổng số điểm phân loại thị xã Thuận An đạt là **89,09 điểm/100 điểm**. Cụ thể tổng hợp điểm và các chỉ tiêu phân loại đô thị trên cơ sở phân tích, đánh giá, đối chiếu theo 05 tiêu chí đô thị theo quy định, trong đó:

- Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 18,75 điểm/20,0 điểm;
- Tiêu chí 2: Quy mô dân số đạt 8,0 điểm/8,0 điểm;
- Tiêu chí 3: Mật độ dân số đạt 5,64 điểm/6,0 điểm;
- Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 6,0 điểm/6,0 điểm;
- Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt 50,7 điểm/60 điểm.

Với số điểm này, thị xã Thuận An đủ điều kiện để được xem xét công nhận là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương; các tiêu chuẩn của 5 tiêu chí chưa đạt hoặc đã đạt nhưng vẫn còn thấp sẽ tiếp tục phấn đấu, tập trung đầu tư nâng cao tỷ lệ trong quá trình nâng cấp đô thị.

2. Ủy ban ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến quyết nghị thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Thuận An là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương để Ủy ban ban nhân dân tỉnh trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định công nhận thị xã Thuận An là đô thị loại III./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU – TT.HĐND;
- Đoàn ĐBQH;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Nội Vụ, Tư pháp;
- Thị ủy, UBND thị xã Thuận An;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu: VT. *γ*



Trần Thanh Liêm